

Bản án số: 61/2023/KDTM-ST

Ngày: 28/12/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/TLST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2023/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN

Trụ sở: Số 89 LH, phường LH, Quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Văn bản ủy quyền số 7021/2023/UQ-PGD ngày 21/9/2023).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Toà nhà A, số 96 CT, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. **(Có mặt)**

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM

Trụ sở: Lầu M, số 38E TCV, Phường VTS, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn có: Bà Phạm Nguyễn Xuân T, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023).

Địa chỉ: Số Y, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức M, sinh năm 1979
Địa chỉ: Số Y, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN (gọi tắt là Vbank) có ông Nguyễn Minh H là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/7/2020, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM (gọi tắt là Công ty ĐM), có vay vốn tại Ngân hàng TMCP VN (gọi tắt là Vbank) – Chi nhánh Quận P theo các Hợp đồng cho vay số Q11/20025/HDTD ngày 07/7/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021 và các văn kiện tín dụng kèm theo. Theo đó, tổng số tiền nhận nợ từ Vbank là 1.023.186.300 đồng, cụ thể như sau:

* Hợp đồng cho vay Q11/20025 ngày 07/7/2020:

Đối với Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/20025/HDTD-01 ngày 07/7/2020 (Theo Hợp đồng cho vay số: Q11/20025/HDTD ngày 07/7/2020):

Số tiền vay: 344.500.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Vĩnh Phát.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm. Lãi suất được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/10/2020, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.0%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/8/2020, tổng cộng 60 kỳ. Mỗi kỳ phải trả 5.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 2.300.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/8/2020.

* Hợp đồng cho vay hạn mức Q11/21230/HDTD ngày 27/9/2021:

Đối với Khế ước nhận nợ số 171221-4726696-ONL-2 ngày 17/12/2021 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 70.235.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Vbank một lần vào ngày 17/6/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2022.

* Đối với Khế ước nhận nợ số 301221-4726696-ONL-3 ngày 07/01/2022 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 42.298.300 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/02/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Vbank một lần vào ngày 07/7/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2022.

* Đối với Khế ước nhận nợ số 200122-4726696-ONL-4 ngày 20/01/2022 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 54.624.200 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/02/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Vbank một lần vào ngày 20/7/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2022.

* Đối với Khế ước nhận nợ số 070322-4726696-ONL-5 ngày 08/3/2022 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 53.654.400 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/04/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 08/9/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/3/2022.

* Đối với Khế ước nhận nợ số 080422-4726696-ONL-6 ngày 17/12/2021 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 79.056.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/05/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Vbank một lần vào ngày 12/10/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/5/2022.

* Đối với Khế ước nhận nợ số 290422-4726696-ONL-7 ngày 10/05/2022 (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021):

Số tiền vay: 78.818.400 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/06/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Vbank do Hội sở chính của Vbank áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Vbank một lần vào ngày 06/11/2022.

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Vbank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/06/2022.

- Ngoài ra, Công ty DM còn đề nghị Vbank phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức là 300.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 02/8/2018. Thông tin chi tiết như sau:

Số hợp đồng thẻ: 355-C-138584

Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Vbank MasterCard

Hạng thẻ: Business Credit

Số thẻ: XXXX-XXXX-XXXX-2371

Tên in nổi trên Thẻ của Khách hàng: CTY DM

Tên in nổi trên Thẻ của Người sử dụng Thẻ chính: PHAM DUC M

Hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 60 (Sáu mươi) tháng.

Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả.

Lãi suất trong hạn: 25%/năm. Lãi suất trong hạn này sẽ được điều chỉnh đúng theo quy định tại Điều kiện Giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ được công bố trên Website <http://www.Vbank.com.vn> (“Điều kiện Giao dịch chung”).

Lãi suất quá hạn và phí/phạt chậm trả:

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu không đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Kỳ sao kê gần nhất: Phần Trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang

áp dụng. Số dư nợ còn lại (Sau khi trừ đi Trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính lãi theo mức lãi suất trong hạn đang áp dụng.

Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà Khách hàng không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của Khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng.

Ngoài khoản lãi quá hạn, Khách hàng phải thanh toán Khoản phí và/hoặc phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Vbank từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản lãi quá hạn và phí/phạt chậm trả này sẽ được thể hiện trên sao kê của kỳ tiếp theo.

Thông tin Người sử dụng thẻ chính:

Họ tên: PHẠM ĐỨC M

Tên in nổi trên Thẻ: PHAM DUC M

Hạn mức sử dụng Thẻ: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Khách hàng ủy quyền cho những nhân viên có thông tin sau đây sử dụng Thẻ phụ:

Chủ thẻ phụ thứ nhất	Chủ thẻ phụ thứ hai
Họ tên: PHẠM NGUYỄN XUÂN T Tên in nổi trên Thẻ: PHAM NGUYEN XUAN T Hạn mức sử dụng Thẻ: 50.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi triệu Việt Nam đồng)	Họ tên: HUỖNH HẢI P Tên in nổi trên Thẻ: HUYNH HAI P Hạn mức sử dụng Thẻ: 50.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi triệu Việt Nam đồng)

(Chi tiết sao kê Thẻ tín dụng sẽ được đính kèm tại Phụ lục)

Các biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Vbank và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97.

Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số số Q11/20025/HDTC ngày 07/7/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP. HCM theo Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng ngày 07/7/2020.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Phạm Đức M theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 ngày 07/4/2020.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, do Bị đơn cùng những người liên quan không hợp tác, tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là phương tiện giao thông vận tải không rõ vị trí, không rõ Bị đơn đưa tài sản đi đâu nên không xác định được địa điểm để tiến hành thẩm định tại chỗ. Vì vậy Vbank đề nghị Tòa án nhân Quận X không tiến hành thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐM đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn.

Hợp đồng cho vay hạn mức Q11/21230 ngày 07/7/2020: Đã trả 175.191.940 đồng, trong đó trả gốc: 125.168.972, trả lãi: 50.022.968 đồng. Còn nợ:

Nợ gốc : 219.331.028 đồng

Lãi quá hạn : 39.230.924 đồng

Lãi hoàn ưu đãi : 602.875 đồng

Nợ lãi chậm trả : 3.242.155 đồng

Tổng cộng : 262.406.982 đồng

Hợp đồng cho vay Q11/20025/HDTD ngày 27/3/2021: Đã trả 14.974.179 đồng, trong đó trả nợ lãi: 14.974.179 đồng. Còn nợ:

Nợ gốc : 378.686.300 đồng

Lãi quá hạn : 140.627.313 đồng

Nợ lãi chậm trả : 11.335.276 đồng

Tổng cộng : 530.648.888 đồng

Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 02/8/2018 còn nợ: 416.506.408 đồng. Trong đó nợ gốc: 269.701.102 đồng, Lãi: 146.805.306 đồng.

Như vậy, tạm tính đến ngày 25/9/2023, Công ty ĐM đã thanh toán cho Vbank số tiền:

Nợ gốc : 125.168.972 đồng

Nợ lãi : 64.997.147 đồng

Tổng cộng : 190.166.119 đồng

(Chi tiết các lần trả nợ được liệt kê tại bảng tính lãi ngày 25/9/2023)

Tạm tính đến ngày 25/9/2023, Công ty ĐM còn nợ Vbank số tiền sau:

Nợ gốc : 598.017.328 đồng

Nợ lãi quá hạn : 179.858.236 đồng

Nợ lãi chậm trả : 14.577.431 đồng

Lãi hoàn ưu đãi : 602.875 đồng

Nợ thẻ : 416.506.408 đồng

Tổng cộng : 1.209.562.278 đồng

Do đó, Vbank yêu cầu Tòa buộc Công ty ĐM phải trả ngay và trả làm một lần cho Vbank tạm tính đến hết ngày 25/9/2023 là:

Nợ gốc : 598.017.328 đồng

Nợ lãi quá hạn : 179.858.236 đồng

Nợ lãi chậm trả : 14.577.431 đồng

Lãi hoàn ưu đãi : 602.875 đồng

Nợ thẻ : 416.506.408 đồng

Tổng cộng : 1.209.562.278 đồng

Ngoài ra, kể từ ngày 26/9/2023, Công ty ĐM vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Vbank.

- Trường hợp Công ty ĐM không thanh toán số tiền nêu trên, Vbank yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Vbank, chi tiết tài sản thế chấp như sau:

01 Xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số số Q11/20025/HĐTC ngày 07/7/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP. HCM theo Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng ngày 07/7/2020.

- Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Vbank thì ông Phạm Đức M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty ĐM theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 đã ký ngày 07/4/2020 với Vbank.

Tại Bản tự khai ngày 16/6/2023 của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM có ông Phạm Đức M là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Thời gian qua Công ty ĐM có một khoản vay tín chấp và thế chấp của Vbank – Chi nhánh Quận P để bổ sung vốn kinh doanh phát triển thị trường Việt Nam và Campuchia. Do ảnh hưởng của dịch Covid, buôn bán có chậm lại, chi phí kho bãi, nhân công thuê mượn phải trả nên việc kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, cụ thể hàng hóa Công ty buôn bán qua thị trường Campuchia khi dịch bệnh bùng phát ra, ông không thể xuất cảnh để thu hồi công nợ được với các bạn hàng bên đó cho đến khi Nhà nước mở cửa xuất nhập cảnh lại thì ông đi thu hồi công nợ nhưng có một số bạn hàng bỏ trốn, một số bạn hàng không bán được nên ông mất mát một số vốn cũng nhiều. Từ đó cho đến nay

ông cũng gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, hiện giờ ông cũng đang tìm phương án tốt nhất có thể để thanh toán khoản nợ cho Vbank. Kính mong Tòa án và Vbank xem xét hỗ trợ cho Công ty thêm một thời gian để ông cố gắng xây dựng lại công việc và thu hồi công nợ để tất toán khoản vay cho Vbank.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN có ông Nguyễn Minh H là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa buộc Bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, với tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 28/12/2023 là **1.283.848.579** (Một tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là **867.718.430** đồng, nợ lãi phải trả là **416.130.149** đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 29/12/2023, Công ty ĐM vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số Q11/20025/HDTD ngày 07/7/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021 và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/8/2018 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Vbank.

Trường hợp Công ty ĐM không thanh toán theo nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Vbank yêu cầu Tòa tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Vbank, chi tiết tài sản thế chấp như sau: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu VINHHPHAT, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/20025/HDTTC ngày 07/7/2020, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh (Vbank hiện đang quản lý xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này).

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Vbank thì ông Phạm Đức M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty ĐM theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 đã ký ngày 07/04/2020 với Vbank.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm do Công ty ĐM chịu, đề nghị Tòa án nhân dân Quận X hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Vbank đã nộp theo quy định.

- Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM: Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức M: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/20025/HDTD ngày 07/7/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/8/2018, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền: Theo Công văn số 4544/ĐKKD-T6 ngày 05/6/2023 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM có trụ sở chính tại Tầng 1, Toà nhà A, số 96 CT, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể”. Do Bị đơn có trụ sở tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức M đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận X tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức M.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Xét, Hợp đồng cho vay Q11/20025 ngày 07/7/2020; Khế ước nhận nợ lần 01/Số Q11/20025/HDTD ngày 08/7/2020, Bảng kê tính lãi của Vbank; Bảng tổng hợp dư nợ của Vbank đối với Công ty ĐM tính đến hết ngày 28/12/2023, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 344.500.000 (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn*) đồng, với mục đích: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Vĩnh Phát. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/10/2020, ngày điều chỉnh

lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.0%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/8/2020, tổng cộng 60 kỳ. Mỗi kỳ phải trả 5.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 2.300.000 đồng. Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/8/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐM đã trả 175.191.940 đồng, trong đó trả gốc 125.168.972 đồng, trả lãi 50.022.968 đồng. Còn nợ gốc 219.331.028 đồng; lãi quá hạn 46.962.342 đồng; lãi hoàn ưu đãi 602.875 đồng; nợ lãi chậm trả 4.917.246 đồng. Tổng cộng còn nợ: **271.813.491 đồng**.

[2.2]. Xét, Hợp đồng cho vay hạn mức Q11/21230 ngày 27/9/2021; Bảng kê tính lãi của Vbank; Bảng tổng hợp dư nợ của Vbank đối với Công ty ĐM tính đến hết ngày 28/12/2023, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1]. Đối với Khế ước nhận nợ số 1171221-4726696-ONL-2 ngày 17/12/2021:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 70.235.000 (*Bảy mươi triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng, với mục đích: *Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình*. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 17/6/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2022.

[2.2.2]. Đối với Khế ước nhận nợ số 301221-4726696-ONL-3 ngày 07/01/2022:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 42.298.300 (*Bốn mươi hai triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm*) đồng, với mục đích: *Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình*. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng,

lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/02/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 07/7/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2022.

[2.2.3]. Đối với Khế ước nhận nợ số 200122-4726696-ONL-4 ngày 20/01/2022:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 54.624.200 (*Năm mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm*) đồng, với mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.00%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/02/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 20/7/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2022.

[2.2.4]. Đối với Khế ước nhận nợ số 070322-4726696-ONL-5 ngày 08/3/2022:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 53.654.400 (*Năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm*) đồng, với mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/4/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng

một lần vào ngày 08/9/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/3/2022.

[2.2.5]. Đối với Khế ước nhận nợ số 080422-4726696-ONL-6 ngày 13/4/2022:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 79.056.000 (*Bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn*) đồng, với mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/5/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 12/10/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/5/2022.

[2.2.6]. Đối với Khế ước nhận nợ số 290422-4726696-ONL-7 ngày 10/5/2022:

Công ty ĐM có vay Vbank số tiền 78.818.400 (*Bảy mươi tám triệu, tám trăm mười tám nghìn, bốn trăm*) đồng, với mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán hàng gia dụng, đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.40%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/6/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.60%/năm.

Xét thấy, giữa Vbank và Công ty ĐM có thỏa thuận: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho Bên Ngân hàng một lần vào ngày 06/11/2022. Về trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/6/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức Q11/21230 ngày 27/9/2021, Công ty ĐM đã trả được số tiền lãi 14.974.179 đồng, còn nợ tổng cộng **563.831.193** đồng, trong đó nợ gốc 378.686.300 đồng, lãi trong hạn 17.216.146 đồng; lãi quá hạn 167.928.747 đồng.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: *“Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”*.

Tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định: *“Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”*.

Tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả”* ...

Như vậy, việc áp dụng lãi quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn của Vbank là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

* Đối với lãi chậm trả được tính như sau:

Số tiền lãi chậm trả = số tiền lãi quá hạn (x) số ngày quá hạn (x) 10%/360.

Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”*.

Tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định: *“Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*.

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả, lãi quá hạn được Vbank áp dụng theo khoản 3 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7 và khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều

1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; điểm b, c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, do đó yêu cầu của Nguyên đơn về tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở.

[2.3]. Xét, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/8/2018; Bảng kê tính lãi của Vbank đối với khách hàng Công ty ĐM tính đến hết ngày 28/12/2023, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế” được Vbank phê duyệt ngày 02/8/2018 thì giữa Công ty ĐM và bên phát hành thẻ là Vbank có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, hạng thẻ Business Credit, với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 25%/năm, với Chủ thẻ chính là Phạm Đức M (Đại diện theo pháp luật của Công ty ĐM) và hai thẻ phụ với Chủ thẻ phụ là bà Phạm Nguyễn Xuân T và em Huỳnh HAI P.

Theo các Bảng sao kê tài khoản thẻ và Bảng kê tính lãi do Vbank cung cấp thì tính đến hết ngày 28/12/2023, Công ty ĐM đã thanh toán số tiền thẻ là 190.166.119 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 125.168.972 đồng, nợ lãi là 64.997.147 đồng. Hiện còn nợ 448.203.895 (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, tám trăm chín mươi lăm*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 269.701.102 đồng và nợ lãi 178.502.793 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau:

“Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19 quy định: Chi TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...”

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”

Tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...*”

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc Bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ số tiền nợ gốc

và nợ lãi của các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng với tổng số tiền là 1.283.848.579 (*Một tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là 867.718.430 đồng, nợ lãi phải trả là 416.130.149 đồng, là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

[2.4]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/20025/HĐTC ngày 07/7/2020, tài sản đảm bảo là xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT; số loại NK490SL9, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 583157 do Phòng Cảnh sát Giao thông Đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức của Hợp đồng: Ngày 07/7/2020, giữa Công ty ĐM (Bên thế chấp) và Vbank (Bên nhận thế chấp) có ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/20025/HĐTC để thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT; số loại NK490SL9, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97 và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/7/2020 tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh với số đăng ký 1374258315, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 2, điểm đ khoản 1 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 7, Điều 10 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Về nội dung của Hợp đồng: Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/20025/HĐTC ngày 07/7/2020 do hai bên giao kết, có thỏa thuận về Nghĩa vụ được bảo đảm như sau: *“Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện Toàn bộ nghĩa vụ của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số Q11/20025/HĐTD ngày 07/7/2020 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên thế chấp và Bên Ngân hàng bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các kế ước nhận nợ và văn bản liên quan...”*

Do nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này là có cơ sở để chấp nhận.

[2.5]. Về yêu cầu buộc ông Phạm Đức M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM:

Xét Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 ngày 07/4/2020 của Bên bảo lãnh ông Phạm Đức M và Bên nhận bảo lãnh Vbank – Chi nhánh Quận P, thể hiện: *“... Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng ... Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/20009 ngày 07/4/2020, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các kế ước nhận nợ và các*

văn bản liên quan của Hợp đồng này; và các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này ... ”.

Do đó, Vbank yêu cầu Tòa buộc ông Phạm Đức M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty ĐM theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 ngày 07/4/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng khoản 1 Điều 2, điểm đ khoản 1 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 7, Điều 10 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng khoản 1 và điểm b, c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN:

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM phải trả cho Ngân hàng TMCP VN số tiền **1.283.848.579** (*Một tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là **867.718.430 đồng**, **nợ lãi phải trả là 416.130.149 đồng**, ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/12/2023, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số Q11/20025/HDTD ngày 07/7/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/21230 ngày 27/9/2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/8/2018 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP VN.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM không thanh toán theo nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP VN được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi tiết tài sản thế chấp như sau: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số khung RM9N8CC4JLAB00139, số máy 4JB1CN4R068895, biển số 51D-390.97 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/20025/HDTC ngày 07/7/2020, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng TMCP VN hiện đang quản lý xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này).

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP VN thì ông Phạm Đức M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/20010 đã ký ngày 07/4/2020 với Ngân hàng.

2/. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng gia dụng ĐM phải chịu số tiền là 50.515.457 (*Năm mươi triệu, năm trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi bảy*) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP VN số tiền 21.963.282 (*Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi hai*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007929 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Phượng